

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**  
**6 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH**  
**KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021**

**CÔNG TY CỔ PHẦN**  
**CĂNG CÁT LẠI**

## MỤC LỤC

Trang

1	1	Mục lục
2 - 4	2	Báo cáo của Ban Giám đốc
5	3	Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ
6 - 9	4	Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2021
10	5	Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ
11 - 12	6	Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ
13 - 36	7	Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

\*\*\*\*\*



**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Cảng Cát Lại (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

**Khái quát về Công ty**

Công ty Cổ phần Cảng Cát Lại hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0305168938 ngày 27 tháng 8 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh 10 lần cấp bổ sung giấy chứng nhận thay đổi đăng ký doanh nghiệp về việc bổ sung ngành nghề kinh doanh, bổ sung vốn điều lệ, thay đổi người đại diện theo pháp luật và thay đổi địa chỉ Công ty, trong đó Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 10 vào ngày 01 tháng 3 năm 2021 do thay đổi địa chỉ Công ty.

**Trụ sở hoạt động**

- Địa chỉ : Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lại, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

- Điện thoại : 0283 7 423 499 – 0283 7 423 501 – 0283 7 423 502

- Fax : 0283 7 423 500

- Email : info@catlaiport.com.vn

- Website : www.catlaiport.com.vn

**Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:**

Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải, chi tiết: Dịch vụ đại lý tàu biển, dịch vụ đại lý vận tải đường biển, dịch vụ môi giới hàng hải, dịch vụ cung ứng tàu biển, dịch vụ kiểm đếm hàng hóa, dịch vụ lai dắt tàu biển, dịch vụ vệ sinh tàu biển, dịch vụ kê khai hải quan, dịch vụ logistics, hoạt động giao nhận hàng hóa;

- Kinh doanh khai thác cảng biển;

- Bốc xếp hàng hóa, chi tiết: Dịch vụ bốc dỡ hàng hóa tại cảng biển; dịch vụ bốc xếp hàng hóa đường bộ;

- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;

- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ, chi tiết: Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ (trừ hòa lỏng khí để vận chuyển).

**Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý**

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Giám đốc của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

**Hội đồng quản trị**

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm
Ông Nguyễn Phương Nam	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 19 tháng 4 năm 2019
Ông Lê Thành Khoa	Phó Chủ tịch	Tái bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2018
Ông Lê Chí Bằng	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 19 tháng 4 năm 2019
Ông Phạm Hữu Đạo	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 19 tháng 4 năm 2019
Ông Nguyễn Châu Bảo	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2018
Bà Nguyễn Huỳnh Mai	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2018

Hàng hóa được vận chuyển qua cảng Cát Lại

**Ban kiểm soát**

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm
Ông Đỗ Thanh Thành	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 22 tháng 4 năm 2019
Ông Nguyễn Xuân Vinh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 19 tháng 4 năm 2019
Ông Nguyễn Quang Phước Sơn	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2018

**Ban Giám đốc**

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Lê Chí Bằng	Giám đốc	Ngày 19 tháng 4 năm 2019
Ông Phạm Hiếu Đào	Phó Giám đốc	Ngày 19 tháng 4 năm 2019
Ông Nguyễn Việt Trường	Kế toán trưởng	Ngày 29 tháng 11 năm 2019

**Đại diện theo pháp luật**

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này là ông Lê Chí Bằng – Giám đốc Công ty (bổ nhiệm ngày 19 tháng 4 năm 2019).

**Kiểm toán viên**

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định xét Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

**Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ;
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hiệu quả nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trong yêu cầu gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Ban Giám đốc đảm bảo các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các số sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.



**Phê duyệt Báo cáo tài chính**

Ban Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm. Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phân ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt Ban Giám đốc,

Giám đốc



Lê Chí Bằng

Ngày 11 tháng 8 năm 2021

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÁT LẠI**

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lai, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN  
Mã Thuyết số minh  
Số cuối kỳ  
Số đầu năm

A - TÀI SẢN NGÂN HẠN				
1.	Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	169,189,081,405
1.	Tiền	111		92,086,368,114
2.	Các khoản tương đương tiền	112		77,102,713,291
II.	Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		46,206,575,342
1.	Chứng khoán kinh doanh	121		-
2.	Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-
3.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2a	46,206,575,342
III.	Các khoản phải thu ngắn hạn	130		83,785,414,544
1.	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3a	70,751,297,458
2.	Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	5,845,295,483
3.	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-
4.	Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-
5.	Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-
6.	Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5a	7,968,098,480
7.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(779,276,877)
8.	Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-
IV.	Hàng tồn kho	140		786,400,000
1.	Hàng tồn kho	141	V.7	786,400,000
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-
V.	Tài sản ngắn hạn khác	150		5,187,964,662
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8a	5,187,465,398
2.	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-
3.	Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	V.13	499,264
4.	Giao dịch mua bán trái phiếu Chính phủ	154		-
5.	Tài sản ngắn hạn khác	155		-
				2,361,179,086
				152,336,572
				2,208,842,514

Số: 2.0469/21/TC-AC

**BẢO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TẠI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kính gửi: CÁC CỘ ĐỒNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC  
CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LẠI**

Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Cảng Cát Lại (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 11 tháng 8 năm 2021, từ trang 06 đến trang 36, bao gồm Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ.

**Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện. Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

**Kết luận của Kiểm toán viên**

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đúng đắn, trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tính hình tài chính của Công ty Cổ phần Cảng Cát Lại tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C  
Chi nhánh Hà Nội



*(Handwritten signature in blue ink)*

**Lê Văn Khoa - Phó Giám đốc**

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 1794-2018-008-1

Hà Nội, ngày 11 tháng 8 năm 2021

**CÔNG TY CỔ PHẦN CANG CÁT LẠI**

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

TÀI SẢN		Mã	Số	Số	Số
		Thuyết	minh	cuối kỳ	dầu năm
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>338.796.289.218</b>	<b>367.546.018.557</b>	
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		15.543.818.748	20.679.650.668	
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	V.3b	15.407.495.748	20.543.327.668	
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-	
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-	
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-	
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-	
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.5b	136.323.000	136.323.000	
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-	
II. Tài sản cố định	220		216.437.382.686	234.152.377.544	
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	135.891.190.703	152.793.861.521	
Nguyên giá	222		500.280.293.459	500.280.293.459	
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(364.389.102.756)	(347.486.431.938)	
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-	
Nguyên giá	225		-	-	
Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-	
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	80.546.191.983	81.358.516.023	
Nguyên giá	228		101.542.004.441	101.542.004.441	
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(20.995.812.458)	(20.183.488.418)	
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-	
Nguyên giá	231		-	-	
Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-	
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		866.508.978	300.832.727	
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-	
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.11	866.508.978	300.832.727	
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.2b	99.484.000.000	99.484.000.000	
1. Đầu tư vào công ty con	251		19.000.000.000	19.000.000.000	
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		78.225.400.000	78.225.400.000	
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		2.258.600.000	2.258.600.000	
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-	
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-	
VI. Tài sản dài hạn khác	260		6.464.578.806	12.929.157.618	
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8b	6.464.578.806	12.929.157.618	
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-	
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-	
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-	
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>674.502.421.102</b>	<b>647.988.562.339</b>	

CÔNG TY CỔ PHẦN CANG CÁT LẠI



**CÔNG TY CỔ PHẦN CĂNG CÁT LẠI**

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lại, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

Ma Thuyết số minh  
NGUỒN VỐN

**C - NỢ PHẢI TRẢ**

Số cuối kỳ	Số đầu năm
90.835.734,405	29.263.552,345
<b>310</b>	<b>310</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	
1. 311	11.793.154,187
2. 312	-
3. 313	3.434.327,260
4. 314	3.256.859,664
5. 315	-
6. 316	-
7. 317	-
8. 318	-
9. 319	5.202.182,122
V.14	78.850.220,731
10. 320	-
11. 321	-
12. 322	5.577.029,112
V.15	1.437.529,112
13. 323	-
14. 324	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	
1. 331	-
2. 332	-
3. 333	-
4. 334	-
5. 335	-
6. 336	-
7. 337	-
8. 338	-
9. 339	-
10. 340	-
11. 341	-
12. 342	-
13. 343	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÁT LẠI**

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lại, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

NGUỒN VỐN		Mã	Thuật	Số	Số	Số
		số	minh	đầu	cuối	dầu
		400	410	411	411a	411b
D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	I. Vốn chủ sở hữu	410	V.16	583.666.686.697	618.725.009.994	618.725.009.994
	1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		340.000.000.000	340.000.000.000	340.000.000.000
	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		340.000.000.000	340.000.000.000	340.000.000.000
	- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-	-
	2. Thặng dư vốn cổ phần	412		60.123.448.000	60.123.448.000	60.123.448.000
	3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-	-
	4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-	-
	5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-	-
	6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-	-
	7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-	-
	8. Quỹ đầu tư phát triển	418		101.852.596.289	101.852.596.289	101.852.596.289
	9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-	-
	10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		81.690.642.408	116.748.965.705	116.748.965.705	
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		39.312.316.339	116.748.965.705	116.748.965.705	
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		42.378.326.069	-	-	
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-	-	
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-	-	
1. Nguồn kinh phí	431		-	-	-	
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-	-	
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>440</b>		<b>674.502.421.102</b>	<b>647.988.562.339</b>	<b>647.988.562.339</b>

Lập, ngày 11 tháng 8 năm 2021

Giám đốc

Lê Chí Đăng



Kế toán trưởng

Nguyễn Việt Trường

Người lập biểu

Võ Thái Hậu

*(Handwritten signature of Nguyễn Việt Trường)*

*(Handwritten signature of Võ Thái Hậu)*

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**

(Dạng đầy đủ)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

Lấy kể từ đầu năm đến cuối kỳ này

**CHI TIẾT**

Mã Thuyết số minh Năm nay Năm trước

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

4. Giá vốn hàng bán

5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ

6. Doanh thu hoạt động tài chính

7. Chi phí tài chính

Trong đó: chi phí lãi vay

8. Chi phí bán hàng

9. Chi phí quản lý doanh nghiệp

10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh

11. Thu nhập khác

12. Chi phí khác

13. Lợi nhuận khác

14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế

15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp

18. Lợi cơ bản trên cổ phiếu

19. Lợi suy giảm trên cổ phiếu

Lập, ngày 11 tháng 8 năm 2021

Giám đốc

Lê Chí Đăng

CÔNG TY CỔ PHẦN CANG CÁT LẠI

T.P. THỦ ĐỨC, T. PHỐ THỊNH MIỀN

M.S.D.N: 0305168938

Người lập biên

Võ Thái Hậu

Kế toán trưởng

Nguyễn Việt Trường

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ**

(Theo phương pháp gián tiếp)

(Đơn vị tính: VND)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

Lưu ý: Lưu ý từ đầu năm đến cuối kỳ này

Mã Thuyết số minh năm nay năm trước

**I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh**

Mã Thuyết số minh	Năm nay	Năm trước
1. Lợi nhuận trước thuế	52.661.907.587	57.593.815.732
2. Điều chỉnh cho các khoản:		
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	17.714.994.858	17.071.091.058
- Các khoản dự phòng	-	39.294.720
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại	-	-
- Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	(4.870.861.364)	(7.728.986.301)
- Chi phí lãi vay	-	-
- Các khoản điều chỉnh khác	-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	65.506.041.081	66.975.215.209
trước thay đổi vốn lưu động		
- Tăng, giảm các khoản phải thu	(45.140.619.847)	23.593.364.026
- Tăng, giảm hàng tồn kho	-	-
- Tăng, giảm các khoản phải trả	(15.056.934.831)	(5.968.923.182)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	1.429.449.986	303.869.349
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	-	-
- Tiền lãi vay đã trả	-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	(4.081.058.427)	(8.881.961.538)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	-	2.240.000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	(6.776.149.366)	(4.574.621.047)
20 Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh	(4.119.271.404)	71.449.182.817

**II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư**

1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	(565.676.251)	(198.418.182)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	(46.206.575.342)	(114.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	75.000.000.000	129.000.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	-	-
7. Tiền thu lại cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	6.676.125.128	6.590.499.189
30 Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư	34.903.873.535	21.392.081.007

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÁT LẠI**

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lai, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BẢO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ (tiếp theo)

Lấy kể từ đầu năm đến cuối kỳ này	
Năm nay	Năm trước

**CHI TIẾT**

Mã Thuyết số minh

**III. Lưu chuyển tiền tệ hoạt động tài chính**

1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu

31 - -

2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành

32 - -

3. Tiền thu từ đi vay

33 - -

4. Tiền trả nợ gốc vay

34 - -

5. Tiền trả nợ gốc thuế tài chính

35 - -

6. Có tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu

36 (233.906.200) (64.606.600)

*Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính*

40 (233.906.200) (64.606.600)

*Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ*

50 30.550.695.931 92.776.657.224

*Tiền và tương đương đầu năm*

60 V.1 169.189.081.405 48.643.715.929

*Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ*

61 - -

*Tiền và tương đương cuối kỳ*

70 V.1 199.739.777.336 141.420.373.153

Người lập biểu

*(Signature)*

Võ Thái Hậu

Kế toán trưởng

*(Signature)*

Nguyễn Việt Trường

Giám đốc

*(Signature)*

Lê Chí Bằng

Lập, ngày 11 tháng 8 năm 2021



**BẢN THUYẾT MINH BẢO CẢO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG**

1. Hình thức sở hữu vốn  
Công ty Cổ phần Cảng Cát Lại (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.
2. Lĩnh vực kinh doanh  
Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là dịch vụ.
3. Ngành nghề kinh doanh  
Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Dịch vụ đại lý tàu biển, dịch vụ đại lý vận tải đường biển, dịch vụ môi giới hàng hải, dịch vụ lai dắt tàu biển, dịch vụ bốc dỡ hàng hoá tại cảng biển, kinh doanh dịch vụ vận tải đa phương thức quốc tế./.
4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường  
Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.
5. Cấu trúc Công ty  
**Công ty con**  
Công ty chi đầu tư vào 01 công ty con là Công ty Cổ phần Tiếp vận Quốc tế Cảng Cát Lại có trụ sở chính tại 938/180 Đường Nguyễn Thị Định, phường Thành Mỹ Lợi, Thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh. Hoạt động kinh doanh chính của công ty con này là Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải. Tái ngày kết thúc kỳ kế toán, tỷ lệ vốn góp của Công ty con này là 54,29%, tỷ lệ quyền biểu quyết và tỷ lệ phần sở hữu tương đương với tỷ lệ vốn góp.

**Công ty liên kết**  
Công ty chi đầu tư vào 01 công ty liên kết là Công ty Cổ phần Tân Cảng Quê Võ có trụ sở chính tại thôn Kiêu Lương, xã Đức Long, huyện Quê Võ, tỉnh Bắc Ninh. Hoạt động kinh doanh chính của công ty liên kết này là cho thuê cảng cạn. Tái ngày kết thúc kỳ kế toán, tỷ lệ vốn góp của Công ty con này là 20%, tỷ lệ quyền biểu quyết và tỷ lệ phần sở hữu tương đương với tỷ lệ vốn góp.

**6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính**

Các số liệu tương ứng của kỳ trước so sánh được với số liệu của kỳ này.

7. Nhân viên  
Tái ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty có 37 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 38 nhân viên).
- II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính  
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán  
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

**III. CHUẨN MỨC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

1. Chế độ kế toán áp dụng  
Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán  
Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

**IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính giữa niên độ  
Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luông tiền).

2. Các giao dịch bằng ngoại tệ  
Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng ký hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty chi định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.

5-01  
ANH  
TY  
HỮU  
C  
TI  
NG  
TP

- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản mua ngoại tệ của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội (Ngân hàng Công ty thương xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội (Ngân hàng Công ty thương xuyên có giao dịch).

### 3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

### 4. Các khoản đầu tư tài chính

#### *Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ khoản đầu tư này đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu, trái phiếu), tài sản phát hành bất buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua. Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tồn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tồn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

#### *Các khoản đầu tư vào công ty con*

##### *Công ty con*

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

##### *Công ty liên kết*

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

##### *Ghi nhận ban đầu*

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn công cộng chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phi khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.





Cô tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được hạch toán giám giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cô tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cô tức được nhận bằng cô phiếu chi được theo dõi số lượng cô phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cô phiếu nhận được.

*Dự phòng tồn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết*

Dự phòng tồn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết lập khi công ty con, công ty liên kết bị lỗ, với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên kết và vốn chủ sở hữu thực có tại ngày kết thúc kỳ kế toán nhân với tỷ lệ số hữu vốn điều lệ thực góp của Công ty tại công ty con, công ty liên kết lập công ty liên kết là đối tượng lập

Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tồn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tồn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên kết cần phải lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

***Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác***

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn công các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cô tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được hạch toán giám giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cô tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cô tức được nhận bằng cô phiếu chi được theo dõi số lượng cô phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cô phiếu nhận được.

Dự phòng tồn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cô phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cô phiếu.

- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của đơn vị được đầu tư, với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các bên tại đơn vị và vốn chủ sở hữu thực có tại ngày kết thúc kỳ kế toán nhân với tỷ lệ số hữu vốn điều lệ thực góp của Công ty tại đơn vị đó.

Tăng, giảm số dự phòng tồn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

**5.**

**Các khoản phải thu**

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phân ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có). Mức trích lập căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tồn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:



Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:

- 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.

- 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.

- 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.

- 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.

• Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiện mức tồn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

**6. Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là công cụ, dụng cụ và chi phí thay thế đệm va cầu tàu. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

**Chi phí bảo hiểm**

Chi phí bảo hiểm được phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian quy định trong hợp đồng bảo hiểm.

**Chi phí thuê cầu**

Tiền thuê cầu được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

**7. Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chi được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ. Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

Loại tài sản cố định	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 30
Máy móc và thiết bị	03 – 12
Phong tiện vận tải, truyền dẫn(*)	03 – 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03
Tài sản cố định khác	03

(\*) Phương tiện vận tải có thời gian khấu hao 3 năm là các tài sản mua cũ được khấu hao theo thời gian sử dụng còn lại của tài sản.

**8. Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất,

M. CH. C. V. X. //G/T

kinh doanh trong kỳ từ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

**Quyền sử dụng đất**

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất; được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian giao đất (50 năm).

**Chi phí phân mềm máy tính**

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

**9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

**10. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả**

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

• Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.

• Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.

• Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

**11. Vốn chủ sở hữu**

**Vốn góp của chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

98  
11  
N  
C  
H  
H  
N  
Y  
C  
A  
7  
H  
I  
H  
V  
G

**Thặng dư vốn cổ phần**

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tài phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cầu phần vốn của tài sản chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tài sản phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm hàng dư vốn cổ phần.

**12. Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được căn nhắc đến các khoản mục phí tiên tế năm trong lợi nhuận sau thuế chia phần phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như tài chính và các khoản mục phí tiên tế khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

**13. Ghi nhận doanh thu và thu nhập**

**Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định trong đối chiếu. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.

- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.

- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

**Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động**

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

**Tiền lãi**

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

**Cổ tức và lợi nhuận được chia**

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chi được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

5-01  
T  
A  
T  
A  
N  
H  
T  
Y  
A  
N  
H  
T  
Y  
A  
N  
H  
T  
Y

**14. Các khoản chi phí**

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.  
Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phân ảnh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

**15. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp là thuế thu nhập hiện hành, được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

**16. Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.  
Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

**17. Báo cáo theo bộ phận**

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.  
Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.  
Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty.

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỨC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**

**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

Số cuối kỳ	Số đầu năm
166.724.303	198.886.364
142.239.928.841	91.887.481.750
57.333.124.192	77.102.713.291
199.739.777.336	169.189.081.405

**2. Các khoản đầu tư tài chính**

**2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn từ trên 3 tháng đến 12 tháng, có giá trị ghi sổ bằng giá gốc.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG LẠI**

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lại, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢO CAO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

**2b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

Số đầu năm	Số cuối kỳ
Dự phòng	Dự phòng
Gia gốc	Gia gốc
19.000.000.000	19.000.000.000
-	-
19.000.000.000	19.000.000.000
-	-
19.000.000.000	19.000.000.000
-	-
78.225.400.000	78.225.400.000
-	-
78.225.400.000	78.225.400.000
-	-
78.225.400.000	78.225.400.000
-	-
78.225.400.000	78.225.400.000
-	-
2.258.600.000	2.258.600.000
-	-
2.258.600.000	2.258.600.000
-	-
2.258.600.000	2.258.600.000
-	-
2.258.600.000	2.258.600.000
-	-
99.484.000.000	99.484.000.000
-	-
99.484.000.000	99.484.000.000

(i) Tài ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty sở hữu 1.900.000 cổ phần, tương đương 54,29% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Tiếp vận Cát Lại, không thay đổi so với số đầu năm.

(ii) Tài ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty sở hữu 2.523.400 cổ phần, mệnh giá 10.000 VND, giá trị ghi sổ là 78.225.400.000 VND, tương ứng với 20% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Tân Cảng Quốc Võ, không thay đổi so với số đầu năm.

(iii) Tài ngày kết thúc kỳ kế toán Công ty nắm giữ 225.860 cổ phiếu, tương đương 0,83% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Cao su thành phố Hồ Chí Minh, không thay đổi so với số đầu năm.

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư không có giá niêm yết do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Giao dịch với công ty con, công ty liên kết

Các giao dịch trong yêu giữa Công ty với công ty con, công ty liên kết như sau:

Kỳ trước	Kỳ này
5.259.000.000	9.832.100.000
2.280.000.000	1.520.000.000
80.000.000	60.000.000
-	897.347.216

**3. Phải thu của khách hàng**

**3a. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

Số đầu năm	Số cuối kỳ
23.296.751.602	69.613.829.148
2.087.897.722	54.084.453.348
21.208.853.880	15.529.375.800
1.137.468.310	1.137.468.310
24.434.219.912	70.751.297.458

**Phải thu các bên liên quan**

Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn

Công ty Cổ phần Tiếp vận Quốc tế Cảng Cát Lại

Phải thu các khách hàng khác

Công

**3b. Phải thu dài hạn của khách hàng**

Là khoản phải thu theo Hợp đồng 3112.01/HB-CLL và Hợp đồng 3112.02/HB-CLL ngày 31/12/2017, Công ty bán tài sản cho Công ty Cổ phần Tiếp vận Quốc tế Cảng Cát Lại (Công ty con) với tổng số tiền là 55.358.319.188 VND. Số tiền phải thanh toán trong năm 2018 là 4.000.000.000 VND, số còn lại là 51.358.319.188 VND được thanh toán đều hàng năm với lãi suất trả chậm là 5% tính trên số dư nợ giảm dần.



**CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LẠI**

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lại, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

**4. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

Số cuối kỳ	Số đầu năm
-	73.711.143
-	73.711.143
5.845.295.483	521.000.000
4.687.233.543	-
96.000.000	286.000.000
385.000.000	235.000.000
677.061.940	-
<b>5.845.295.483</b>	<b>594.711.143</b>

*Trả trước cho các bên liên quan*

Công ty Cổ phần Tân Cảng - Mitsui

*Trả trước cho người bán khác*

Công ty TNHH Xây dựng Trường Xuân

Công ty TNHH Kiến trúc Gia Bảo

Văn phòng Luật sư Thịnh Quốc - Chi nhánh Cà Mau

Các nhà cung cấp khác

**Cộng****5. Phải thu khác****5a. Phải thu ngắn hạn khác**

Số cuối kỳ	Số đầu năm
7.165.412.943	4.867.855.404
-	119.789.677
-	87.059.063
-	32.730.614
5.645.412.943	4.748.065.727
-	-
1.520.000.000	-
802.685.537	3.988.373.709
109.881.720	3.435.145.484
246.795.250	91.795.250
428.450.000	428.450.000
-	-
-	15.424.408
17.558.567	17.558.567
7.968.098.480	8.856.229.113

*Phải thu các bên liên quan*

Chi phí công trình cắt giảm theo quyết

toàn thu lại của nhà thầu

Công ty Cổ phần Xây dựng Tân Cảng Số

*Một*

Công ty TNHH Một thành viên Xây dựng

*Công trình Tân Cảng*

Công ty Cổ phần Tiếp vận Quốc tế Cảng

Cát Lại - Tiền lai trả chậm

Công ty Cổ phần Tiếp vận Quốc tế Cảng

Cát Lại - Phải thu về cổ tức

*Phải thu các tổ chức và cá nhân khác*

Lai tiền gửi có kỳ hạn dự thu

Tạm ứng

- Công ty Nông nghiệp Sài Gòn -

phải thu tiền đặt cọc đã hết hạn hợp đồng

Chi phí công trình cắt giảm theo quyết

toàn thu lại của nhà thầu - Công ty

TNHH Xây dựng Trường Xuân

Các khoản phải thu ngắn hạn khác

**Cộng****5b. Phải thu dài hạn khác**

Là các khoản kỳ cược, kỳ quy dài hạn.

4.99  
 CHI  
 CỘNG  
 4.101  
 TÀI  
 A  
 B

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LẠI**

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lại, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

**6. Nợ xấu**

Số cuối kỳ	Số đầu năm	
	Giá trị đã lập dự phòng	Giá gốc
Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị đã lập dự phòng
Công ty Cổ phần Tuần Lộc Quảng Trị	Trên 3 năm	536.549.860 (536.549.860)
Công ty Cổ phần Hải Quảng	Trên 3 năm	49.186.500 (49.186.500)
Công ty TNHH Văn Hải XNK Trung Thành	Trên 3 năm	44.999.550 (44.999.550)
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Tổng hợp Việt Hàn	Trên 3 năm	130.982.400 (130.982.400)
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Tổng hợp Việt Hàn	Trên 3 năm	17.558.567 (17.558.567)
<b>Cộng</b>		<b>779.276.877 (779.276.877)</b>

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

Năm nay	Năm trước
779.276.877	739.982.157
-	39.294.720
<b>779.276.877</b>	<b>779.276.877</b>

Số đầu năm  
Trích lập dự phòng trong kỳ  
**Cộng**

**7. Hàng tồn kho**

Là công cụ, dụng cụ tồn kho.

**8. Chi phí trả trước**

**8a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

Chi phí bảo hiểm phونغ tiền

Chi phí thuê cầu RTG

**Cộng**

Số cuối kỳ	Số đầu năm
271.415.400	152.336.572
4.916.049.998	-
<b>5.187.465.398</b>	<b>152.336.572</b>

**8b. Chi phí trả trước dài hạn**

Là chi phí sửa chữa bãi sau cầu tàu B7 cảng Cát Lại giai đoạn 2. Chi phí này được phân bổ 18 tháng kể từ tháng 7 năm 2020.

16:00:00 16/12/2021



**CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI**

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**  
6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021  
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

**9. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	179.320.238.761	318.808.281.426	2.096.372.727	55.400.545	500.280.293.459
Mua trong kỳ	-	-	-	-	-
Số cuối kỳ	<u>179.320.238.761</u>	<u>318.808.281.426</u>	<u>2.096.372.727</u>	<u>55.400.545</u>	<u>500.280.293.459</u>
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	45.971.885.800	6.953.812.021	867.000.000	55.400.545	53.848.098.366
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	97.936.377.354	248.422.758.587	1.071.895.452	55.400.545	347.486.431.938
Khấu hao trong kỳ	3.234.533.868	13.565.689.224	102.447.726	-	16.902.670.818
Số cuối kỳ	<u>101.170.911.222</u>	<u>261.988.447.811</u>	<u>1.174.343.178</u>	<u>55.400.545</u>	<u>364.389.102.756</u>
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	81.383.861.407	70.385.522.839	1.024.477.275	-	152.793.861.521
Số cuối kỳ	<u>78.149.327.539</u>	<u>56.819.833.615</u>	<u>922.029.549</u>	<u>-</u>	<u>135.891.190.703</u>
<i>Trong đó:</i>					
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

天正會計事務所

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LẠI**

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

**10. Tài sản cố định vô hình**

Quyền sử dụng đất  
Chương trình phần mềm máy tính  
Công

Nguyên giá	Số đầu năm	Số cuối kỳ
101.262.004.441	101.262.004.441	-
Mua trong kỳ	-	-
Số cuối kỳ	101.262.004.441	101.262.004.441

Trong đó:  
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng

Giá trị hao mòn	Số đầu năm	Số cuối kỳ
19.940.155.097	243.333.321	20.183.488.418
Khấu hao trong kỳ	792.324.042	19.999.998
Số cuối kỳ	20.732.479.139	263.333.319

Giá trị còn lại	Số đầu năm	Số cuối kỳ
81.321.849.344	36.666.679	80.529.525.302
Số đầu năm	81.358.516.023	16.666.681
Số cuối kỳ	80.546.191.983	80.546.191.983

Trong đó:  
Tâm thời không sử dụng  
Đang chờ thanh lý

**11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Là dự án xây dựng trụ sở văn phòng Công ty.

Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Số cuối kỳ
300.832.727	565.676.251	866.508.978

**12. Phải trả người bán ngắn hạn**

Phải trả các bên liên quan

Số cuối kỳ	Số đầu năm
486.543.284	4.355.648.989

Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn

466.944.344	1.111.403.567
Công ty Cổ phần Xây dựng Tân Cảng	1.962.397.339
Công ty Cổ phần Tân Cảng Số Một	-
Công ty Cổ phần Tân Cảng - Mitsui	-
Công ty TNHH Một thành viên Xây dựng Công trình Tân Cảng	1.191.073.763
Công ty Cổ phần Dịch vụ Container Tân Cảng	-
Phải trả các nhà cung cấp khác	11.474.100
Công ty Cổ phần Hai hai Mười hai	7.437.505.198
Công ty Cổ phần Hai hai Mười hai	66.712.624
Tổng Công ty Nông nghiệp Sài Gòn - TNHH MTV	428.450.000
Công ty TNHH Xây dựng Trường Xuân	4.991.525.356
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Xuất nhập khẩu và Xây dựng Hưng Thành Phát	1.775.968.772
Các nhà cung cấp khác	174.848.446
<b>Cộng</b>	<b>11.793.154.187</b>
	<b>1.574.533.680</b>

Công ty không có nợ phải trả người bán qua hạn chưa thanh toán.

HAI  
VA  
C

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LẠI**

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

**13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

Số phát sinh trong kỳ	Số đầu năm		
	Phải thu	Số phải nộp	Số đã nộp
Phải thu	3.409.178.100	7.372.862.914	(6.877.720.353)
Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	-	3.904.320.661
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.208.842.514	10.283.581.518	(4.081.058.427)
Thuế thu nhập cá nhân	25.149.160	479.945.944	(499.613.558)
Thuế nhà đất	-	379.705.900	(379.705.900)
Các loại thuế khác	-	3.000.000	(3.000.000)
Cộng	3.434.327.260	2.208.842.514	18.519.096.276
		(11.841.098.238)	7.903.982.048
			499.264

**Thuế giá trị gia tăng**

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

Dịch vụ cung cấp cho các hãng tàu nước ngoài 0%

Cung cấp nước sạch 5%

Các dịch vụ khác 10%

**Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

Năm trước	Năm nay
57.593.815.732	52.661.907.587
276.000.000	276.000.000
-	-
57.869.815.732	52.937.907.587
(2.280.000.000)	(1.520.000.000)
55.589.815.732	51.417.907.587
20%	20%
11.117.963.146	10.283.581.518

Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế  
 Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:

- Các khoản điều chỉnh tăng  
 Thu lao Hội đồng quản trị, ban kiểm soát  
 Thu lao Hội đồng điều hành  
 không trực tiếp điều chỉnh

- Các khoản điều chỉnh giảm

Thu nhập chịu thuế  
 Thu nhập được miễn thuế

Thu nhập tính thuế

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

**Thuế nhà đất**  
 Thuế nhà đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

**Các loại thuế khác**

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÁT LẠI**

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lại, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

**14. Phải trả ngắn hạn khác**

Số cuối kỳ	Số đầu năm
38.395.324.000	1.082.782.468
-	918.832.468
-	163.950.000
-	Thủ lao HĐQT, Ban kiểm soát
-	Quy hoạt động của Ban điều hành
-	Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn - Cổ tức phải trả
-	Công ty Cổ phần Đại lý Giao nhận Vận tải Xếp dỡ Tân Cảng - Cổ tức phải trả
-	Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Công ích Thanh niên xung phong - Cổ tức phải trả
40.454.896.731	4.119.399.654
48.982.821	47.975.691
2.895.835	3.125.688
39.863.318.075	3.75.750.000
163.950.000	3.692.548.275
78.850.220.731	5.202.182.122

**15. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

Số đầu năm	Tăng trong kỳ	Chi quỹ trong kỳ	Số cuối kỳ
4.145.070.954	-	(3.408.000.000)	737.070.954
1.427.098.276	-	(731.500.000)	695.598.276
4.859.882	2.636.649.366	(2.636.649.366)	4.859.882
5.577.029.112	2.636.649.366	(6.776.149.366)	1.437.529.112

**16. Vốn chủ sở hữu**

**16a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của Thành dư vốn cổ phần		Quỹ đầu tư phát triển		Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		Công	
Số dư đầu năm trước	Số dư cuối kỳ trước	Số dư đầu năm nay	Số dư cuối kỳ trước	Số dư đầu năm trước	Số dư cuối kỳ trước	Số dư đầu năm trước	Số dư cuối kỳ trước
340.000.000.000	60.123.448.000	101.852.596.289	101.852.596.289	105.527.352.779	607.503.397.068	607.503.397.068	607.503.397.068
-	-	-	-	46.475.852.586	46.475.852.586	46.475.852.586	46.475.852.586
-	-	-	-	(74.800.000.000)	(74.800.000.000)	(74.800.000.000)	(74.800.000.000)
-	-	-	-	(348.639.093)	(348.639.093)	(348.639.093)	(348.639.093)
340.000.000.000	60.123.448.000	101.852.596.289	101.852.596.289	76.854.566.272	578.830.610.561	578.830.610.561	578.830.610.561
-	-	-	-	116.748.965.705	618.725.009.994	618.725.009.994	618.725.009.994
-	-	-	-	42.378.326.069	42.378.326.069	42.378.326.069	42.378.326.069
-	-	-	-	(74.800.000.000)	(74.800.000.000)	(74.800.000.000)	(74.800.000.000)
-	-	-	-	(2.636.649.366)	(2.636.649.366)	(2.636.649.366)	(2.636.649.366)
340.000.000.000	60.123.448.000	101.852.596.289	101.852.596.289	81.690.642.408	583.666.686.697	583.666.686.697	583.666.686.697

3449  
 CHI  
 CỐ  
 HỮU  
 TÀI  
 NG

**CÔNG TY CỔ PHẦN CĂNG LẠI**

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

**16b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

Tình hình góp vốn điều lệ như sau:

Số đầu năm		Số cuối kỳ	
Vốn đầu tư của Nhà nước	162.149.200.000	162.149.200.000	162.149.200.000
Trong đó:			
Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	87.161.700.000	87.161.700.000	87.161.700.000
Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Công ích Cảng Sài Gòn			
Thành niên xung phong	74.987.500.000	74.987.500.000	74.987.500.000
Vốn góp của các cổ đông khác	177.850.800.000	177.850.800.000	177.850.800.000
<b>Cộng</b>	<b>340.000.000.000</b>	<b>340.000.000.000</b>	<b>340.000.000.000</b>

**16c. Cổ phiếu**

Số cuối kỳ		Số đầu năm	
Số lượng cổ phiếu đang ký phát hành	34.000.000	34.000.000	34.000.000
Số lượng cổ phiếu thông đã phát hành	34.000.000	34.000.000	34.000.000
Số lượng cổ phiếu thông được mua lại	-	-	-
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	34.000.000	34.000.000	34.000.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.			

**16d. Phân phối lợi nhuận**

Trong kỳ, Công ty đã phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2021 số 14/NQ-ĐHĐCB/CLL ngày 21 tháng 6 năm 2021 như sau:

Phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2020

• Trích quỹ khen thưởng Ban điều hành

• Chia cổ tức

VND  
: 2.636.649.366  
: 74.800.000.000

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỨC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

**1a. Tổng doanh thu**

Năm nay		Năm trước	
Dịch vụ cho thuê cảng biển	73.250.000.000	71.750.000.000	71.750.000.000
Doanh thu dịch vụ cho thuê thiết bị xếp dỡ	13.889.475.000	14.620.500.000	14.620.500.000
Doanh thu dịch vụ khác	10.118.787.362	8.094.174.806	8.094.174.806
<b>Cộng</b>	<b>97.258.262.362</b>	<b>94.464.674.806</b>	<b>94.464.674.806</b>

Lưu ý kể từ đầu năm đến cuối kỳ này

**1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan**

Năm nay		Năm trước	
Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	13.889.475.000	14.620.500.000	14.620.500.000
Doanh thu cho thuê bãi	73.250.000.000	71.750.000.000	71.750.000.000
Doanh thu dịch vụ cho thuê thiết bị xếp dỡ	10.058.787.362	8.014.174.806	8.014.174.806

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan không phải là công ty con như sau:  
Công ty không có giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho công ty con. Các giao dịch cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan không phải là công ty con như sau:

Lưu ý kể từ đầu năm đến cuối kỳ này

Năm nay

Năm trước

Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn

Doanh thu cho thuê bãi

Doanh thu dịch vụ cho thuê thiết bị xếp dỡ

Doanh thu dịch vụ khác

315 NH NG HEN I HI

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÁT LẠI**

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lại, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

**2. Giá vốn hàng bán**

Công  
Giá vốn của dịch vụ cho thuê cảng biển  
Giá vốn của dịch vụ cho thuê thiết bị xếp dỡ  
Giá vốn của dịch vụ khác

Năm nay	Năm trước
21.462.749.117	19.399.243.880
11.942.289.281	11.538.144.382
9.740.450.242	7.309.315.693
<b>43.145.488.640</b>	<b>38.246.703.955</b>

Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

**3. Doanh thu hoạt động tài chính**

Công  
Lãi tiền gửi ngân hàng  
Cổ tức, lợi nhuận được chia  
Lãi bán hàng trả chậm

Năm nay	Năm trước
3.350.861.364	5.499.019.857
1.520.000.000	2.280.000.000
897.347.216	-
<b>5.768.208.580</b>	<b>7.779.019.857</b>

Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

**4. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

Công  
Chi phí cho nhân viên  
Chi phí vật liệu quản lý  
Chi phí đồ dùng văn phòng  
Chi phí khấu hao tài sản cố định  
Thuế, phí và lệ phí  
Dự phòng phải thu khó đòi  
Chi phí dịch vụ mua ngoài  
Các chi phí khác

Năm nay	Năm trước
4.676.526.186	4.060.637.776
47.460.620	27.975.255
108.036.364	302.512.643
122.447.724	122.447.724
3.000.000	37.574.445
-	39.294.720
481.922.301	429.006.883
1.779.681.521	1.383.725.530
<b>7.219.074.716</b>	<b>6.403.174.976</b>

Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

**6. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yêu tố**

Công  
Chi phí nguyên liệu, vật liệu  
Chi phí nhân công  
Chi phí khấu hao tài sản cố định  
Chi phí dịch vụ mua ngoài  
Chi phí khác

Năm nay	Năm trước
47.460.620	330.487.898
7.281.158.816	6.745.068.616
17.714.994.858	17.071.091.058
15.805.502.542	13.658.333.494
9.515.446.520	6.844.897.865
<b>50.364.563.356</b>	<b>44.649.878.931</b>

Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

Thông tin về lãi cơ bản trên cổ phiếu được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

**VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**

**1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan**

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

**1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt**

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Giám đốc, Kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

*Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt*

**Chức vụ**      **Tiền lương**      **Thưởng**      **Thù lao**      **Cộng thu nhập**

<b>Kỳ này</b>				
<b>Hội đồng quản trị</b>				
	Chủ tịch	Phó Chủ tịch	Thành viên/Giám đốc	
Nguyễn Phương Nam	618.178.069	60.000.000	60.000.000	618.178.069
Lê Thành Khoa	-	558.178.069	60.000.000	618.178.069
Lê Chí Đăng	225.850.000	735.883.815	36.000.000	997.733.815
Phạm Hữu Đạo	172.969.800	676.683.815	36.000.000	885.653.615
Nguyễn Huỳnh Mai	-	458.589.561	36.000.000	494.589.561
Nguyễn Châu Bảo	-	458.589.561	36.000.000	494.589.561
Ban kiểm soát	-	83.530.224	30.000.000	113.530.224
Đỗ Thanh Thành	-	73.088.946	27.000.000	100.088.946
Nguyễn Quốc Phước Sơn	-	73.088.946	27.000.000	100.088.946
Nguyễn Xuân Vinh	-	73.088.946	27.000.000	100.088.946
Ban Giám đốc	153.881.346	428.970.828	-	582.852.174
Nguyễn Việt Trường	Kế toán trưởng			
<b>Công</b>				
	552.701.146	4.104.781.834	348.000.000	5.005.482.980

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÁT LẠI**

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lại, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Chức vụ      Tiền lương      Thường      Thà lao      Cộng thu nhập

Kỳ trước

Hội đồng quản trị

Nguyễn Phương Nam

Chủ tịch

Bùi Sĩ Tuấn

(đến tháng 4/2019)

Chủ tịch

Lê Thành Khoa

Phó chủ tịch

Lê Chí Đăng

Thành viên/Giám đốc

222.371.471

334.143.120

36.000.000

592.514.591

Thành viên/Giám đốc

Lâm Văn Tuấn

(đến tháng 4/2019)

Thành viên/Phó giám

177.547.655

274.943.120

36.000.000

488.490.775

độc

Nguyễn Huỳnh Mai

Thành viên

144.949.385

36.000.000

180.949.385

Thành viên/Kế toán

Lê Thanh Sơn

trưởng

(đến tháng 11/2019)

Ban kiểm soát

Đỗ Thanh Thành

Trưởng ban

75.223.238

30.000.000

105.223.238

Trưởng ban

Vũ Thị Lan Anh

(đến tháng 4/2019)

Nguyễn Quang Phước

Ủy viên

68.682.087

27.000.000

95.682.087

Son

Nguyễn Xuân Vinh

Ủy viên

45.788.058

27.000.000

72.788.058

Ban Giám đốc

Nguyễn Đình Thi

Phó giám đốc

(đến tháng 4/2019)

Nguyễn Việt Trường

Kế toán trưởng

151.966.066

156.535.415

-

308.501.481

Công

**Ib. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác**

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

**Bên liên quan khác**

**Mối quan hệ**

Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn

Cổ đông sáng lập

Công ty Cổ phần Đại lý Giao nhận Vận tải Xếp dỡ Tân Cảng

Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Công ích Thanh niên

Xung phong

Công ty Cổ phần Tiếp vận Quốc tế Cảng Cát Lại

Công ty Cổ phần Tân Cảng Quê Võ

Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Tân Cảng

Bên liên quan của cổ đông sáng lập

Công ty liên kết

Công ty con

Cổ đông sáng lập

Cổ đông sáng lập

Cổ đông sáng lập



*Giao dịch với các bên liên quan khác*

Ngoài các giao dịch phát sinh với công ty con đã được trình bày ở thuyết minh số V.2 cũng như các giao dịch về cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác không phải là công ty con đã được trình bày ở thuyết minh số VI.1b, Công ty con phát sinh các giao dịch khác với các bên liên quan khác như sau:

Lưu ý kể từ đầu năm đến cuối kỳ này

Năm nay Năm trước

*Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty*

*Tân Cảng Sài Gòn*

Chi trả cổ tức

19.175.574.000

Chi phí mua hàng và sử dụng dịch vụ

42.481.312

*Công ty Cổ phần Đại lý Giao nhận Vận tải Xếp*

Chi trả cổ tức

2.722.500.000

*Đờ Tân Cảng*

*Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Công*

*Ich Thanh niên xung phong*

Chi trả cổ tức

16.497.250.000

*Công ty Cổ phần Dịch Vụ Kỹ Thuật Tân Cảng*

Dịch vụ sửa chữa cầu

1.808.471.031

Giá hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan khác là giá thỏa thuận. Việc mua hàng hóa,

dịch vụ từ các bên liên quan khác được thực hiện theo giá thỏa thuận.

*Công nợ với các bên liên quan khác*

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.4, và V.11.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

**2. Thông tin về bộ phận**

Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh do rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ Công ty cung cấp.

**2a. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh**

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực cho thuê cảng biển
- Lĩnh vực cho thuê thiết bị xếp dỡ
- Các lĩnh vực khác

TRANG 32  
CHỖ CHẤM TÊN

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI**

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam  
**BẢO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**  
 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021  
 Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

Kỳ này	Lĩnh vực cho thuê cảng biển				Cộng
	Lĩnh vực cho thuê cảng biển	Lĩnh vực cho thuê thiết bị xếp dỡ	Các lĩnh vực khác		
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	73.250.000.000	13.889.475.000	10.118.787.362	97.258.262.362	-
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-	-	-
<b>Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>73.250.000.000</b>	<b>13.889.475.000</b>	<b>10.118.787.362</b>	<b>97.258.262.362</b>	-
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	51.787.250.883	1.947.185.719	378.337.120	54.112.773.722	-
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				(7.219.074.716)	-
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				46.893.699.006	-
Doanh thu hoạt động tài chính				5.768.208.580	-
Chi phí tài chính				-	1
Thu nhập khác				-	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				(10.283.581.518)	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại				-	-
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>				<b>42.378.326.069</b>	-
<b>Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn</b>	<b>19.665.371.460</b>	<b>4.391.754.486</b>	<b>122.447.724</b>	<b>24.179.573.670</b>	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI**

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	Lĩnh vực cho thuê cảng biển	Lĩnh vực cho thuê thiết bị xếp dỡ	Các lĩnh vực khác	Cộng
<b>Kỳ trước</b>				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	71.750.000.000	14.620.500.000	8.094.174.806	94.464.674.806
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-	-
<b>Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>71.750.000.000</b>	<b>14.620.500.000</b>	<b>8.094.174.806</b>	<b>94.464.674.806</b>
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	52.350.756.120	3.082.355.618	784.859.113	56.217.970.851
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				(6.403.174.976)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				49.814.795.875
Doanh thu hoạt động tài chính				7.779.019.857
Chi phí tài chính				
Thu nhập khác				
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				(11.117.963.146)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại				46.475.852.586
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>				<b>46.475.852.586</b>
<b>Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>22.029.600.000</b>	<b>22.029.600.000</b>
<b>Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn</b>	<b>12.556.888.848</b>	<b>4.391.754.486</b>	<b>122.447.724</b>	<b>17.071.091.058</b>

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẮT LÁI**

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ  
6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021  
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:			
	Lĩnh vực cho thuê cảng biển	Lĩnh vực cho thuê thiết bị xếp dỡ	Các lĩnh vực khác	Cộng
<b>Số cuối kỳ</b>				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	200.066.976.927	42.916.719.179	59.612.479.786	302.596.175.892
Tài sản phân bổ cho bộ phận	-	-	-	-
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận				371.906.245.210
<b>Tổng tài sản</b>				<b>674.502.421.102</b>
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	126.000.000	570.054.344	878.479.336	1.574.533.680
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	-	-	-	-
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận				89.261.200.725
<b>Tổng nợ phải trả</b>				<b>90.835.734.405</b>
<b>Số đầu năm</b>				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	183.275.840.248	70.385.522.839	43.210.104.868	296.871.467.955
Tài sản phân bổ cho bộ phận	-	-	-	-
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận				351.117.094.384
<b>Tổng tài sản</b>				<b>647.988.562.339</b>
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	8.144.996.458	1.775.968.772	1.872.188.957	11.793.154.187
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	-	-	-	-
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận				17.470.398.158
<b>Tổng nợ phải trả</b>				<b>29.263.552.345</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÁT LẠI**

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lại, Quận 2, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

**2b. Thông tin về khu vực địa lý**

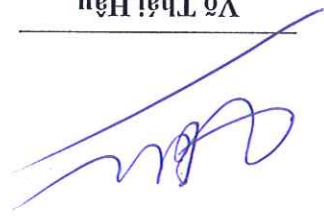
Hoạt động của Công ty được phân bổ chủ yếu ở khu vực nội địa.

**3. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Lập, ngày 11 tháng 8 năm 2021

Người lập biên



Võ Thái Hậu

Kế toán trưởng

Nguyễn Việt Trường

Giám đốc

Le Chi Đăng

